

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH TG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2023

V/v “Tranh chấp không
công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH TG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ĐTKC, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 6, xã PA, huyện CL, tỉnh TG (xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh VTT, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 3, xã MTB, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 08/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị ĐTKC trình bày:**

Chị và anh VTT chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ chung sống với anh VTT là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên VĐHK, sinh ngày 22/4/2018 hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh VTT cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh VTT vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị ĐTKC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị ĐTKC xin vắng mặt tại phiên tòa, anh VTT đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét chị ĐTKC và anh VTT chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và tranh chấp ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn (không công nhận vợ chồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị ĐTKC giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh VTT vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị ĐTKC và anh VTT sống chung như vợ chồng từ năm 2017 đến năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành do anh VTT vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị ĐTKC.

3.2. Về con chung: Xét con chung đang sống với chị ĐTKC, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị ĐTKC.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị ĐTKC Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị ĐTKC phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ĐTKC.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa chị ĐTKC với anh VTT là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên VĐHK, sinh ngày 22/4/2018 cho chị ĐTKC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tài được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị ĐTKC phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017597 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh TG nên chị ĐTKC đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã PA;
- UBND xã MTB;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc

